

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 33:2022/PVCFC

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

Điện thoại: 0290 38 19000

Fax: 0290 35 90501

Website: www.pvcfc.com.vn



CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 33:2022/PVCFC**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: NPK Cà Mau 18-18-18

Loại phân: Phân bón hỗn hợp NPK.

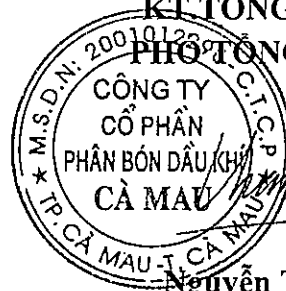
- Đóng bao: 25 kg, 50 kg.

Nhãn hiệu:	Thương hiệu:
	

Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau cam kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Cà Mau, ngày 18 tháng 1 năm 2022

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

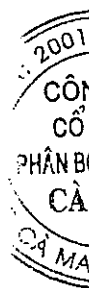
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 33:2022/PVCF

NPK CÀ MAU 18-18-18

Lần soát xét: 02



Cà Mau, ngày 18 tháng 1 năm 2022



PHÂN BÓN CÀ MAU
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

📍 Lô D, KCN Phường 1, Đ. Ngô Quyền, P. 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
☎ 0290 381 9000 📠 0290 359 0501 🌐 www.pvcfc.com.vn



Văn bản này được xác thực tại <https://eoffice.pvcfc.com.vn/> với số định danh: 0011/TT-CNATCL



MỤC LỤC

1. Phạm vi áp dụng.....	3
2. Tài liệu tham khảo	3
3. Yêu cầu kỹ thuật	3
3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường	3
3.2. Yêu cầu về ngoại quan	3
3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng	3
3.4. Công dụng:	4
3.5. Hướng dẫn sử dụng	4
3.6. Bao gói, ghi nhãn.....	4
3.6.1. Bao gói	4
3.6.2. Ghi nhãn.....	5
3.7. Vận chuyển.....	5
3.8. Bảo quản.....	5
3.9. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:.....	5
3.10. Đơn vị sản xuất:	5
Phụ lục:	1

2298
TY
HÂN
DẤU K
AU
T. C. A.



LỜI MỞ ĐẦU

TCCS 33:2022/PVCFC được xây dựng trên cơ sở tham khảo “Hướng dẫn chung về thể hiện nội dung và trình bày tiêu chuẩn” của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công Nghệ về việc “Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn”.

TCCS 33:2022/PVCFC được soát xét lại từ TCCS 33:2017/PVCFC ban hành ngày 07/09/2017 theo Quyết định số 1726/QĐ-PVCFC.

TCCS 33:2022/PVCFC được Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau công bố tại Quyết định số: 89../QĐ-PVCFC ngày 18. tháng 11. năm 2022.

M.S.D.N

T.C.P * N



1. Phạm vi áp dụng

- Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm phân bón hỗn hợp NPK CÀ MAU 18-18-18 nhãn hiệu NPK CÀ MAU - “Chất lượng đi đầu - Giá trị bền lâu”, do Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau sản xuất và kinh doanh với thương hiệu PHÂN BÓN CÀ MAU – “Hạt Ngọc Mùa Vàng”.

2. Tài liệu tham khảo

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính Phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính Phủ quy định về quản lý phân bón.
- Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-189: 2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.
- Quyết định số 2802/QĐ-BVTV-PB ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Cục Bảo vệ Thực vật về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

3. Yêu cầu kỹ thuật**3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường**

- Không gây nguy hiểm khi hít phải ở điều kiện bình thường, gây kích thích nhẹ đối với mắt.
- Để xa tầm tay trẻ em, rửa sạch tay sau khi sử dụng.

3.2. Yêu cầu về ngoại quan

- Hình dạng: dạng rắn (hạt/viên).

3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1.	Đạm tổng số (N_{ts})	% KL	18	TCVN 5815:2018
2.	Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh})	% KL	18	TCVN 8559:2010 TCVN 5815:2018
3.	Kali hữu hiệu (K_2O_{hh})	% KL	18	TCVN 8560:2018
4.	Độ ẩm	% KL	2	TCVN 9297:2012 TCVN 5815:2018



3.4. Công dụng:

- Bổ sung nguyên tố dinh dưỡng đa lượng cần thiết cho cây trồng.
- Tăng sinh trưởng, phát triển và hạn chế sâu bệnh.
- Tăng năng suất, chất lượng nông sản và lợi nhuận.
- Cải thiện độ phì nhiêu của đất.

3.5. Hướng dẫn sử dụng

- Lượng bón và thời kỳ bón cho các loại cây trồng:
- Lúa: 100-140 kg/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau sạ/18-22 ngày sau sạ/ 38-42 ngày sau sạ);
- Ngô: 100-150 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng/20-30 ngày sau khi trồng/40-50 ngày sau khi trồng);
- Mía: 250-300 kg/ha/lần (3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng/2-3 tháng sau trồng/4-5 tháng sau trồng);
- Thanh long: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 100-220 kg/ha/lần (3 lần/năm: 4 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: Thanh long chính vụ bón 250-450 g/trụ/tháng; thanh long xử lý đèn bón 300-500 g/trụ/lần (3 lần: lúc tía cành/lúc ra nụ/lúc hoa héo);
- Cây ăn trái khác (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm): Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-350 g/cây/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch/trước ra hoa/sau đậu trái/ trái phát triển bón 1-2 lần);
- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón 100-150 kg/ha (bón lót hoặc 7-10 ngày sau trồng); Bón thúc 150-250 kg/ha/lần (1-3 lần/vụ: 20-25 ngày sau trồng/trái phát triển bón 1 - 2 lần);
- Rau ăn lá ngắn ngày: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau trồng/20-30 ngày sau trồng);
- Cà phê: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 kg/ha/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-200 kg/ha; Mùa mưa bón 400-600 kg/ha/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa);
- Hồ tiêu: Giai đoạn kiến thiết cơ bản bón 150-250 g/trụ/lần (4 lần/năm: 3 tháng/lần). Giai đoạn kinh doanh: mùa khô bón 150-250 g/trụ; mùa mưa bón 400-500 g/trụ/lần (3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa);
- Chè: 200-300 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch);
- Cao su (giai đoạn kinh doanh): 150-200 kg/ha/lần (2-3 lần/năm: đầu mùa mưa/giữa mùa mưa/cuối mùa mưa).

3.6. Bao gói, ghi nhãn**3.6.1. Bao gói**

- Sản phẩm phân bón hỗn hợp NPK CÀ MAU 18-18-18 được đóng gói bằng 2 lớp bao, lớp bên ngoài bằng vật liệu PP, lớp bên trong bằng vật liệu PE, đảm bảo giúp sản phẩm không bị hút ẩm và không bị rách, vỡ khi vận chuyển;



0122,
 NG T
 PHÂN
 BÓN D
 À MA
 AU-T

- Khối lượng tịnh: 25 kg, 50 kg.

3.6.2. Ghi nhãn

- Nhãn được in trên bao bì, màu sắc chi tiết theo Phụ lục đính kèm

3.7. Vận chuyển

- Khi vận chuyển, phương tiện phải đảm bảo sạch sẽ, khô ráo và được che mưa nắng.
- Không sử dụng móc để bốc dỡ sản phẩm.

3.8. Bảo quản

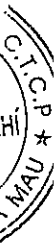
- Bảo quản nơi thông thoáng, khô ráo, được che mưa nắng, không để trực tiếp lên sàn nhà ẩm ướt.

3.9. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:

- Hạn sử dụng (HSD): 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

3.10. Đơn vị sản xuất:

- Tên tổ chức sản xuất: Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Địa chỉ: Lô D, Khu CN Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
- Sản xuất tại: Nhà máy Đạm Cà Mau - Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.



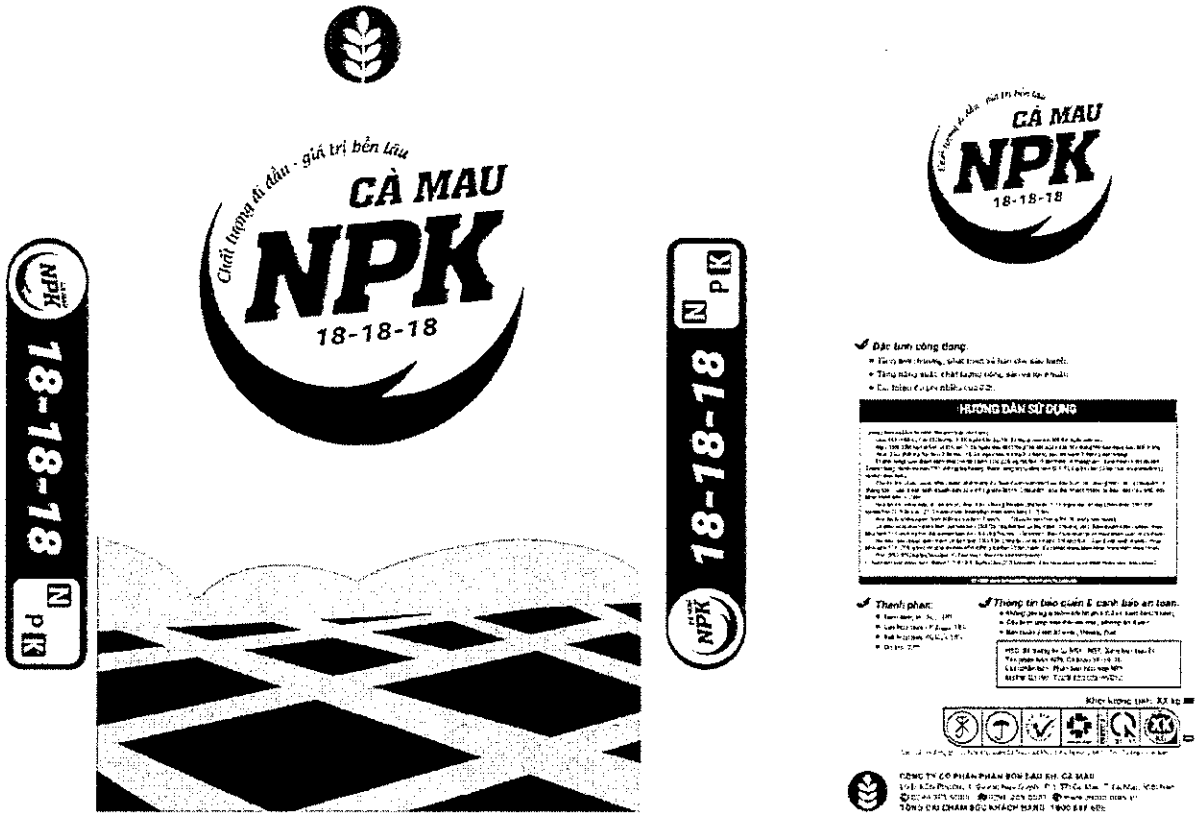
Phụ lục:

CHI TIẾT THIẾT KẾ BAO BÌ SẢN PHẨM
PHÂN HỖN HỢP NPK CÀ MAU 18-18-18

(Đính kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 33:2022/PVCFC

Ban hành theo QĐ số: 89/QĐ-PVCFC ngày 18 tháng 1 năm 2022)

1. Mẫu bao bì sản phẩm sản xuất tại Nhà máy ĐCM



20
C
PHÂN
CÀ

